

Name: \_\_\_\_\_

For each of the following multiple choice questions, write the letter that corresponds with the best answer provided.

\_\_ 1. 瓶

A. bā

C. yao4, yāo

B. píng

D. ér

\_\_ 2. 对

A. duì

C. piao1, piao3, piào

B. kuài

D. na3, nei3, né

\_\_ 3. 点

A. xué

C. duì

B. gāo

D. diǎn

\_\_ 4. 在

A. chá

C. yao4, yāo

B. zài

D. na3, nei3, né

\_\_ 5. 学

A. diǎn

C. jiè

B. xué

D. ér

\_\_ 6. 亮

A. liàng

C. bù

B. duì

D. na3, nei3, né

\_\_ 7. 给

A. piao1, piao3, piào

C. bù

B. yǐ

D. gei3, jǐ

\_\_ 8. 高

A. gāo

C. gāo

B. he1, hè

D. xing4, xīng

\_\_ 9. 进

A. yīng

C. jìn

B. shào

D. gāo

\_\_ 10. 绍

A. xià

C. shào

B. qǐ

D. gāo

\_\_ 11. 校

A. he1, hè

C. xiao4, jiào

B. jiè

D. gāo

\_\_ 12. 以

A. yǐ

C. xing4, xīng

B. xià

D. gāo

Name: \_\_\_\_\_

\_\_ 13. 茶

- A. yao4 , yāo  
C. chá

- B. yǐ  
D. gāo

\_\_ 14. 来

- A. bā  
C. lái

- B. jiè  
D. píng

\_\_ 15. 吧

- A. yīng  
C. bā

- B. píng  
D. ke3 , kè

\_\_ 16. 可

- A. qǐ  
C. ke3 , kè

- B. zuò  
D. gei3 , jǐ

\_\_ 17. 不

- A. xué  
C. bù

- B. he1 , hè  
D. zài

\_\_ 18. 兴

- A. píng  
C. xīng

- B. yǐ  
D. xing4 , xīng

\_\_ 19. 小

- A. jìn  
C. xiǎo

- B. píng  
D. ke3 , kè

\_\_ 20. 介

- A. jiè  
C. xing4 , xīng

- B. lái  
D. zài

\_\_ 21. 进

- A. ya  
C. jìn

- B. jìn  
D. lái

\_\_ 22. 哪

- A. yao4 , yāo  
C. gei3 , jǐ

- B. zài  
D. na3 , nei3 , né

\_\_ 23. 要

- A. yao4 , yāo  
C. diǎn

- B. jìn  
D. piao1 , piao3 , piào

\_\_ 24. 起

- A. jìn  
C. qǐ

- B. xiǎo  
D. yǐ

Name: \_\_\_\_\_

- \_\_ 25. 漂  
 A. piao1, piao3, piào  
 C. yao4, yāo  
 B. píng  
 D. yǐ
- \_\_ 26. 喝  
 A. lái  
 C. duì  
 B. ke3, kè  
 D. he1, hè
- \_\_ 27. 下  
 A. xiao4, jiào  
 C. qǐ  
 B. ke3, kè  
 D. xià
- \_\_ 28. 坐  
 A. zuò  
 C. he1, hè  
 B. jìn  
 D. píng
- \_\_ 29. 英  
 A. xing4, xīng  
 C. na3, nei3, né  
 B. yīng  
 D. gāo
- \_\_ 30. 儿  
 A. jìn  
 C. chá  
 B. ér  
 D. shào
- \_\_ 31. 快  
 A. kuài  
 C. he1, hè  
 B. xiao4, jiào  
 D. lái
- \_\_ 32. 高  
 A. jìn  
 C. na3, nei3, né  
 B. liàng  
 D. gāo
- \_\_ 33. 乐  
 A. le4, yuè  
 C. gāo  
 B. na3, nei3, né  
 D. gei3, jǐ
- \_\_ 34. 呀  
 A. píng  
 C. xing4, xīng  
 B. ya  
 D. ke3, kè